

Số: 60 /2021/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 07 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu số
của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính
phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số
74/TTr-STTTT ngày 30/9/2021 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 300/BC-STP
ngày 30/9/2021 của Sở Tư pháp) .*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ TT&TT (b/cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K9;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu số
của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về các hoạt động khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định, các tổ chức, cá nhân khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu mở: là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Trong Quy chế này, dữ liệu mở được hiểu là dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.
2. Dữ liệu chủ: là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh và mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập.
3. Dữ liệu số: là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.
4. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu: là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

5. Danh mục dữ liệu dùng chung: là các danh mục, bảng mã phân loại về dữ liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, được sử dụng chung trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm việc tích hợp, trao đổi, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thống nhất.

6. Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP): là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống bên ngoài.

Chương II

XÂY DỰNG, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh

1. Các cơ quan, đơn vị khi xây dựng cơ sở dữ liệu để đưa vào danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu dùng chung phải đảm bảo giá trị pháp lý tương đương các văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp;

b) Chứa dữ liệu chủ của Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của sở, ban, ngành địa phương.

c) Dữ liệu dùng chung của tỉnh được chia sẻ, sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

2. Trường hợp bổ sung cơ sở dữ liệu vào danh mục, chỉnh sửa danh mục hoặc rút cơ sở dữ liệu khỏi danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh, cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu có văn bản đề nghị kèm thuyết minh lý do đề nghị, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh. Trường hợp bổ sung cơ sở dữ liệu vào danh mục dữ liệu dùng chung phải bao gồm các nội dung chính theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

3. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung được cập nhật theo nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin của từng giai đoạn phát triển Chính quyền điện tử và tiến trình Chuyển đổi số của tỉnh hoặc khi có đề nghị của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh

1. Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh là hệ thống thông tin quản lý tập trung danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý để cung cấp cho các cơ quan nhà nước khai thác, sử dụng.

2. Vai trò, chức năng của Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu

- a) Quản lý tập trung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh;
- b) Hỗ trợ các cơ quan cung cấp dữ liệu khai báo, cập nhật thông tin về các dịch vụ chia sẻ dữ liệu;
- c) Hỗ trợ cơ quan nhà nước tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn dữ liệu, dịch vụ dữ liệu được cơ quan nhà nước chia sẻ;
- d) Hỗ trợ tiếp nhận yêu cầu kết nối, khai thác dịch vụ chia sẻ dữ liệu;
- đ) Cung cấp các chức năng hỗ trợ khác tạo thuận lợi cho kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

3. Cơ quan nhà nước tra cứu thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu để thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác các nguồn dữ liệu khả dụng của cơ quan nhà nước.

Điều 6. Triển khai xây dựng dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh chủ trì, triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực theo danh mục, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu của cơ quan cung cấp và sử dụng dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Cơ sở dữ liệu xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu theo quy định tại Chương III của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Trong trường hợp cơ sở dữ liệu đã có chưa đáp ứng được yêu cầu thì xác định các nội dung công việc đưa vào kế hoạch thực hiện khi nâng cấp bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu theo quy định.

Điều 7. Đảm bảo an toàn dữ liệu khi kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin với hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định sau:

1. Cơ quan quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

2. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia

sẽ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống của mình, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

3. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi kết nối, tiếp nhận dữ liệu chia sẻ.

Điều 8. Kiểm tra đánh giá, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá theo quy định trước khi công bố; việc kiểm tra, đánh giá phải được thường xuyên thực hiện và duy trì định kỳ hàng năm.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu được quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Chủ quản của cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để duy trì dữ liệu theo kết quả kiểm tra, đánh giá hàng năm.

Điều 9. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, khai thác dữ liệu giữa các đơn vị phải thực hiện thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ của tỉnh (LGSP) và theo Kiến trúc Chính quyền điện tử đã được phê duyệt.

2. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đánh giá và rà soát dữ liệu theo ngành của mình ở Trung ương, của đơn vị đồng thời cung cấp thông tin về hiện trạng dữ liệu của các bộ, ngành đã được phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp vào danh mục dữ liệu dùng chung.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh khi có nhu cầu đề xuất khai thác dữ liệu trong và ngoài tỉnh thì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để hướng dẫn, thực hiện theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kết nối, sử dụng, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành theo quy định của pháp luật.

5. Đầu mối dữ liệu cơ quan, đơn vị và đầu mối dữ liệu cấp tỉnh sẽ giám sát và phối hợp thực hiện các nội dung phát sinh.

Chương III

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 10. Quản lý dữ liệu

1. Các hoạt động về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu ngành có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu hàng năm. Đầu mối cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá duy trì nội bộ.

Điều 11. Khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai sử dụng dữ liệu số trong hoạt động hành chính để thay thế sử dụng tài liệu giấy khi dữ liệu số đảm bảo giá trị pháp lý theo quy định.

2. Các cơ quan hành chính nhà nước có quyền khai thác dữ liệu dùng chung đã được công bố trên hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

3. Người dân và doanh nghiệp: Có quyền khai thác dữ liệu mở, dữ liệu công khai do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp trên hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

4. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ.

5. Cơ quan, đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu là đầu mối phân tích, tổng hợp dữ liệu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ chỉ đạo điều hành trong tỉnh.

6. Các cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu số trong hoạt động phân tích, tổng hợp dữ liệu, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực.

Điều 12. Tổ chức đầu mối, phối hợp quản lý dữ liệu

1. Đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu bao gồm đầu mối cấp tỉnh và đầu mối cấp cơ quan, đơn vị:

a) Đầu mối cấp tỉnh: Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu chung của tỉnh; phối hợp với đầu mối cấp cơ quan, đơn vị xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ tỉnh và kết nối quản lý, kết nối dữ liệu ra ngoài tỉnh.

b) Đầu mối cơ quan, đơn vị: Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (có xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu) cử một cán bộ làm đầu mối để phụ trách quản lý, chia sẻ dữ liệu với các đơn vị khác trong nội bộ tỉnh và phối hợp với đầu mối cấp tỉnh xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan cấp bộ, ngành mình.

2. Các cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý, cung cấp cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan quản lý dữ liệu có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu với vai trò là cơ quan cung cấp dữ liệu đối với dữ liệu do mình quản lý.

b) Tuân thủ các tài liệu kỹ thuật của hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh khi xây dựng các hệ thống thông tin, triển khai kết nối.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có

liên quan kiểm tra, đánh giá khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin hiện có nhằm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu trao đổi phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

d) Rà soát, cập nhật các quy chế khai thác và sử dụng dữ liệu của các hệ thống thông tin thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ và phù hợp với các quy định tại Quy chế này và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

e) Từ chối đề nghị chia sẻ dữ liệu nếu đề nghị cung cấp dữ liệu không phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan. Trong trường hợp này, cơ quan cung cấp dữ liệu phải nêu rõ lý do từ chối và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết vướng mắc quy định tại Điều 48 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

g) Yêu cầu cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu thông báo tình hình sử dụng dữ liệu đã chia sẻ trong trường hợp có dấu hiệu việc sử dụng dữ liệu không phù hợp với quy định của pháp luật;

h) Tạm dừng hoặc chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin đáp ứng việc kết nối, chia sẻ dữ liệu;

b) Xây dựng và hoàn thiện các tài liệu hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Quản lý, công bố dữ liệu theo quy định của pháp luật; bảo đảm truy cập thuận tiện; có công cụ tìm kiếm thông tin, dữ liệu để sử dụng và cho kết quả đúng nội dung cần tìm kiếm;

d) Bảo đảm chất lượng dữ liệu được cung cấp; cập nhật dữ liệu kịp thời; đính chính, hiệu chỉnh khi có sai lệch dữ liệu;

e) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền tình hình cung cấp và trao đổi dữ liệu khi có yêu cầu;

g) Phối hợp với cơ quan khai thác dữ liệu và cơ quan có thẩm quyền giải quyết vướng mắc để giải quyết các vướng mắc trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;

h) Chia sẻ dữ liệu đang quản lý về cá nhân, tổ chức cho cơ quan hành chính nhà nước khác có nhu cầu khi cá nhân, tổ chức đó đề nghị.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có quyền sau:

a) Tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào công tác quản lý hành chính nhà nước của cơ quan mình.

b) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc làm ảnh hưởng đến quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

c) Tham mưu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh các quy định để đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nghiệp vụ hành chính chuyên ngành trên cơ sở khai thác dữ liệu được chia sẻ.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ các quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và các quy định về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu được quy định Quy chế này;

b) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

c) Thông báo kịp thời cho cơ quan cung cấp dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã chia sẻ;

d) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, cơ quan cung cấp dữ liệu để giải quyết các vướng mắc trong quá trình khai thác, sử dụng dữ liệu.

Điều 15. Xử lý vướng mắc

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc phát sinh khi kết nối, sử dụng dữ liệu do mình cung cấp.

2. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, việc áp dụng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Trình tự và phương án giải quyết vướng mắc được quy định tại Điều 49 và Điều 50 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh tuân thủ các quy định, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

2. Thực hiện lập và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, đôn đốc các cơ quan thực hiện các quy định tại Quy chế này. Hướng dẫn các cơ quan thực hiện các yêu cầu kỹ thuật kết

nói đến hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin và phù hợp với Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định.

4. Tổng hợp việc thực hiện các quy định tại Quy chế này, kết quả thực hiện kết nối đến hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Tổ chức thực hiện các nội dung của Quy chế này tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp chuyên môn theo thẩm quyền quy định.

Điều 19. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.